



Số: 0089(3)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Vi khí hậu, tiếng ồn
Ngày quan trắc : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K9 – K13/04/12.06.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Nhiệt độ ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	0 ÷ 60°C
2	Độ ẩm ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	15 ÷ 95 %RH
3	Tốc độ gió ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,1 ÷ 40 m/s
4	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Tiếng ồn	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
Đơn vị	-	dBA	°C	%	m/s
1. Khu vực trước cổng GDC	11h10	57,1	-	-	-
2. 100 m ngoài hàng rào theo hướng gió	11h20	56,3	-	-	-
QCVN 26:2010/BTNMT	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-	-	-
3. Phòng điều khiển	11h30	61,1	26,5	63,5	0,46
4. Khu vực thiết bị PVC	11h40	62,7	-	-	-
5. Khu vực thiết bị heater	11h50	61,0	-	-	-
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 85	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT	-	-	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(3)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K11-K13/04/12.06.2024

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	SO ₂ ^(a)	TCVN 5971: 1995	10,0 µg/m ³
2	Pb ^(Δ)	TCVN 6152:1996	56×10 ⁻⁶ mg/m ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Vị trí lấy mẫu	SO ₂	Pb
Đơn vị	mg/m ³	mg/m ³
1. Khu vực trước cổng GDC	0,056	KPH
2. 100 m ngoài hàng rào theo hướng gió	0,038	KPH
QCVN 05:2013/BTNMT	0,35	-
3. Khu vực thiết bị heater	0,063	-
QCVN 03:2019/BYT ^(**)	2,5	-
Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT	-	0,05

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(**): Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (12 giờ/ngày)

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ lấy mẫu và phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(3)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt tại Trung tâm phân phối khí Cà Mau (Tại vị trí thu gom trước khi đổ vào hệ thống của Nhà máy Đạm)
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT11/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ ^{(a)(*)}	°C	31,2	4 ÷ 55	-	SMEWW 2550B:2017
2	pH ^{(a)(*)}	-	7,12	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
3	COD ^(a)	mg/L	98,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	50,2	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
5	TSS ^(a)	mg/L	40,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
6	Sắt ^(a)	mg/L	0,61	0,05	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017
7	Tổng Nito ^(a)	mg/L	9,80	2,0	-	TCVN 6638:2000
8	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	1,01	0,03	-	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	Pb ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0023	-	SMEWW 3113.B:2023
10	Cd ^(Δ)	mg/L	KPH	0,00015	-	SMEWW 3113.B:2023
11	Zn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0030	-	SMEWW 3111.B:2023
12	Ni ^(Δ)	mg/L	KPH	0,015	-	SMEWW 3111.B:2023
13	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	-	TCVN 7877:2008
14	Tổng Crôm (Cr) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,015	-	SMEWW 3111.B:2023
15	Mn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,015	-	SMEWW 3111.B:2023
16	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.000	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**


Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(3)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Phiêu sinh vật – thực vật nổi
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm
1	Thực vật nổi ^(A)	SMEWW 10200B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU SINH HỌC

STT	TÊN KHOA HỌC	MẬT ĐỘ (Tế bào/L)
	Class BACILLARIOPHYCEAE	
	Order Centrales	
1	<i>Coscinodiscus centralis</i>	310
2	<i>Coscinodiscus lineatus</i>	70
3	<i>Coscinodiscus</i> sp.	1.450
4	<i>Dithylum brightwellii</i>	1.430
5	<i>Dithylum sol</i>	640
6	<i>Rhizosolenia alata</i>	40
7	<i>Rhizosolenia setigera</i>	60
8	<i>Rhizosolenia</i> sp.	900
9	<i>Skeletonema costatum</i>	600
	Order Pennales	
10	<i>Cymbella</i> sp.	+
11	<i>Navicula</i> sp.	20
12	<i>Nitzschia</i> sp.	420
13	<i>Planktoniella blanda</i>	+
14	<i>Pleurosigma angulatum</i>	50
15	<i>Pleurosigma</i> sp.	750
16	<i>Synedra ulna</i>	90
17	<i>Thalassionema nitzschioides</i>	660
18	<i>Thalassionema frauenfeldii</i>	480
	Tổng số loài	18
	Tổng số tế bào/lít	7.970

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.





CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

⁽⁴⁾: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(3)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Phiêu sinh vật – động vật nổi
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm
1	Động vật nổi ^(A)	SMEWW 10200B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU SINH HỌC

STT	TÊN KHOA HỌC	MẬT ĐỘ (cá thể/m ³)
	Phylum PROTOZOA	
	Class Lobosa	
	Order Arcellinida	
	Family Diffugiidae	
1	<i>Diffugia lanceolata</i> Penard, 1890	125
2	<i>Diffugia lebes</i> Penard 1899	125
	Phylum ROTIFERA	
	Class MONGONONTA	
	Order Ploima	
	Family Lecanidae	
3	<i>Lecane syngenes</i> Hauer, 1938	250
	<i>Lecane lunaris</i> Ehrenberg 1832	
4	<i>Lecane</i> sp.	+
	Phylum ARTHROPODA	
	Class COPEPODA	
	Order Calanoida	
	Family Scolecitrichidae	
5	<i>Scolecithrix danae</i> Lubbock, 1856	250
	Family Pontellidae	
6	<i>Labidocera euchaeta</i> Giesbrecht, 1889	+
	Order Cyclopoida	
	Family Cyclopidae	

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

7	<i>Accanthocyclops</i> sp.	125
8	<i>Thermocyclops hyalinus taihokuensis</i>	250
	LARVA	
9	Ấu trùng nhóm Copepoda	1.500
10	Polychaeta	125
	Tổng số loài	10
	Tổng số cá thể/m³	2.750

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thương



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0089(3)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Động vật đáy
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm
1	Động vật đáy ^(A)	SMEWW 10500B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU SINH HỌC

STT	TÊN KHOA HỌC	MẬT ĐỘ (cá thể/m ²)
	Phylum MOLLUSCA	
	Class Bivalvia	
	Order Venerida	
	Family Veneridae	
1	<i>Meretrix lyrata</i> G.B.Sowerby II, 1851	2
	Class Gastropoda	
	Order Littorinimorpha	
	Family Littorinidae	
2	<i>Littoraria scabra</i> (Linnaeus, 1758)	6
	Phylum ARTHROPODA	
	Class Malacostraca	
	Order Decapoda	
	Family Ocypodidae	
3	<i>Ocypode</i> sp.	4
	Tổng số loài	3
	Tổng số cá thể/m²	12

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(6)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước cấp sinh hoạt tại GDC
Ngày nhận mẫu : 12/06/2024
Mã số mẫu : 2406006

Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH ^(b) (25,0°C)	-	6,89	2 – 12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 – 1000	2	SMEWW 2130B:2023
3	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 – 500	15	TCVN 6185:2015
4	Mùi vị	-	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2023 SMEWW 2160.B:2023
5	TDS ^(b)	mg/L	72,0	12,0	1000	SMEWW 2540-SolidsC:2023
6	N-NH ₄ ⁺ ^(b)	mg/L	KPH	0,2	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023
7	Độ cứng tổng số ^(b) (tính theo CaCO ₃)	mg/L	66,0	3,0	300	SMEWW 2340C:2023
8	E. coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ^(c)	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
9	Nhôm (Al) ^(d)	mg/L	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3113B:2017
10	Arsen (As) ^(d)	mg/L	KPH	63×10 ⁻⁵	0,01	TCVN 6626:2000 (ISO 11969:1996)
11	Florua (F ⁻) ^(d)	mg/L	0,12	0,006	1,5	SMEWW 4110B:2017
12	Sunfua (H ₂ S) ^(d)	mg/L	KPH	0,006	0,05	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ C&D:2017
13	Chì (Pb) ^(d)	mg/L	KPH	0,0028	0,01	TCVN 6193B:1996 (ISO 8288:1986)
14	Thủy ngân (Hg) ^(d)	mg/L	KPH	18×10 ⁻⁵	0,001	TCVN 7877:2008 (ISO 5666:1999)
15	Natri (Na) ^(d)	mg/L	KPH	0,003	200	SMEWW 3111B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(d): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vilas 444)

^(c): Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Suong

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0089(9)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Ánh sáng
Ngày quan trắc : 12/06/2024 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp xác định
1	Ánh sáng ^(*)	TCVN 5176:1990

KẾT QUẢ ĐO ÁNH SÁNG

Điểm đo	Ánh sáng
Đơn vị	Lux
1. Phòng điều khiển	587
QCVN 22:2016/BYT	≥ 500

Ghi chú:

(*) : Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0089(10)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Điện từ trường
Ngày quan trắc : 12/06/2024 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc
1	Điện từ trường tần số công nghiệp ^(A)	- QCVN 25:2016/BYT - Máy đo điện từ trường Holaday HI-3604

KẾT QUẢ ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

Vị trí quan trắc	Điện trường	Từ trường
Đơn vị	(kV/m)	(A/m)
1. Phòng điều khiển	0,104	0,3714
2. Khu vực thiết bị PVC	0,125	0,4256
3. Khu vực thiết bị heater	0,174	0,5375
QCVN 25:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp (f=50-60Hz)	< 5	< 400
Thời gian tiếp xúc cho phép (giờ)	Không hạn chế	8

Ghi chú:

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ quan trắc (Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sài Gòn)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.